

Bản án số: 753/2019/HN-PT  
Ngày: 27/8/2019.  
V/v “Tranh chấp chia tài sản  
sau khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Khánh

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Quách Thanh Bình.

2/ Bà Đặng Thị Bích Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 6/HNPT ngày 04 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1142/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3396/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Kim K, sinh năm 1963; Địa chỉ: 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Vũ Phi L, sinh năm 1956; Địa chỉ: 118/19A LTT, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. **Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1975; địa chỉ: 88/3/18/9 Khu phố E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền công chứng số 009641 quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2018 tại Văn phòng công chứng H- Có mặt).

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn Ông Vũ Phi L.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2017, nguyên đơn Bà Hoàng Thị Kim K trình bày:*

Bà và Ông Vũ Phi L lấy nhau năm 1983, ông bà có đứng tên chung căn nhà 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, bà và ông L đã thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/02/2016. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận A xem xét cho bà được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và xét xử tại Tòa sơ thẩm, bị đơn ông L vắng mặt.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ và tiến hành định giá tài sản. Theo biên bản định giá ngày 02/8/2018 của Hội đồng định giá quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhà đất số 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng giá trị là: 8.091.373.525 đồng.

Bà K yêu cầu được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà nêu trên và không yêu cầu nhận nhà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1142/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 34 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Hoàng Thị Kim K.

- Xác định nhà đất tại số 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của Bà Hoàng Thị Kim K và Ông Vũ Phi L theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH01717 ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất số 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi chi phí phát mãi, thuế, lệ phí chuyển nhượng cho bên mua và các chi phí khác có liên

quan (nếu có) thì Bà Hoàng Thị Kim K và Ông Vũ Phi L mỗi người được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị còn lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 07/12/2018, bị đơn Ông Vũ Phi L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 1142/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, với lý do bản án sơ thẩm ban hành không có cơ sở, không thể hiện đúng bản chất diễn biến vụ việc trên thực tế.

Ngày 20/3/2019 người đại diện hợp pháp của bị đơn nộp đơn trình bày nội dung kháng cáo của bị đơn như sau:

Trong quá trình Tòa án nhân dân quận A giải quyết vụ án, ngày 05/9/2018 nguyên đơn đã nhận tiền đặt cọc bán căn nhà 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Phương N, việc nhận cọc đã thực hiện dưới sự chứng kiến và lập vi bằng tại Văn phòng Thừa phát lại Quận V.

Kèm theo đơn trình bày, đương sự nộp bản photo Vi bằng số 1189/VB-TPL ngày 05/9/2018 của Văn phòng Thừa phát lại Quận V và biên bản làm việc về việc đặt cọc mua bán nhà và đất 27/25 CH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng việc nhận tiền đặt cọc trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa sơ thẩm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bị đơn có yêu cầu đòi  $\frac{1}{2}$  số tiền đặt cọc mua bán nhà giữa bà N và bà K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị Kim K trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không kháng cáo. Nếu bị đơn đồng ý thì nguyên đơn ký chuyển tên sang cho bị đơn, nợ thì bà sẽ tự chịu trách nhiệm.

Bị đơn Ông Vũ Phi L có người đại diện hợp pháp là Ông Nguyễn Thế T trình bày: Bản án sơ thẩm chưa xem xét hết các khoản nợ trước và sau thời kỳ hôn nhân. Bị đơn mong muốn nhận được nhà và đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất. Tuy nhiên, nếu nhận nhà có chắc chắn không có chủ nợ nào đến xiết nhà hay không? Liệu cuộc sống có còn yên ổn hay không? Có chủ nợ nào khác đến không?

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Phi L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ông Vũ Phi L nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu kháng cáo của Ông Vũ Phi L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân quận A thì ngày 05/9/2018 nguyên đơn đã nhận cọc bán tài sản đang tranh chấp cho bà Nguyễn Thị Phương N.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Khanh có bản tự khai thừa nhận việc có ký biên bản đặt cọc mua bán nhà đang tranh chấp, bà thừa nhận có ký biên bản làm việc ngày 05/9/2018 với một người tên N do người cho bà vay tiền tên A (bà không rõ địa chỉ ở đâu) dẫn đến, và có ký tại văn phòng thừa phát lại nhưng bà không đọc nội dung, không nhận tiền, mọi việc đều do chủ nợ tên A sắp xếp, bà chỉ làm theo. Bà K khai: Người cho bà vay tiền tên là A, không rõ địa chỉ, số điện thoại: 0943134343, số tiền cho vay là 300 triệu đồng, lãi suất 20%/ tháng và xác định số nợ chung và tài sản vợ chồng chưa được giải quyết.

Thừa phát lại Võ Đình T cũng có bản tự khai xác định: theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương N, ông đã lập vi bằng về việc bà N giao cho bà K 500 triệu đồng. Khi lập vi bằng ông đã kiểm tra chứng minh nhân dân, căn cước công dân của các bên tham gia và các thủ tục cần thiết để tiến hành lập vi bằng sự việc, ông đã giải thích rõ giá trị của vi bằng, đồng thời chứng kiến các đương sự giao nhận tiền tại địa chỉ 526-528 Cộng Hòa, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua xác minh tại Công an phường X, quận Z, thành phố Hà Nội thì tại địa chỉ 51 Đại Cồ Việt, phường X, quận Z, thành phố Hà Nội không có ai tên Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1989 đăng ký hộ khẩu thường trú và đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên.

Các đương sự tại Tòa đều xác nhận chưa giải quyết số nợ chung, tài sản chung. Hiện bà K có làm thủ tục đặt cọc nhưng không nộp các giấy tờ này tại Tòa án cấp sơ thẩm. Do phát sinh tình tiết mới, cần đưa chủ nợ tên A và bà Nguyễn

Thị Phương N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, để xác định: có hay không việc bà N thực hiện việc đặt cọc mua bán nhà với bà K? Khi thực hiện nhận cọc mua bán nhà bà N có biết đó là tài sản chung của bà K và ông L hay không? Bà N có yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc mua bán nhà hay không? Làm rõ người cho bà K vay tiền là ai? Số tiền bao nhiêu? Có yêu cầu đòi tiền hay không? Có yêu cầu gì khác hay không? tại phiên tòa phúc thẩm không thể giải quyết được vì không đảm bảo nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó cần thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1142/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại theo thủ tục chung.

**[3] Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì Ông Vũ Phi L hiện nay trên 60 tuổi, căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án, ông L thuộc trường hợp đồng miễn án phí. Do hủy án, nên án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Ông Vũ Phi L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn cho Ông Vũ Phi L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Vũ Phi L**

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1142/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**2. Án phí:**

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

2.2. Án phí phúc thẩm: Hoàn cho Ông Vũ Phi L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông L đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037537 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.